

- b) Hỗ trợ 160.000 đồng/1m² đối với xã đồng bằng;
- c) Hỗ trợ 110.000 đồng/1m² đối với xã trung du, miền núi.

2. Diện tích đất được tính hỗ trợ theo khoản 1, được quy định như sau:

- a) Đối với phường, thị trấn, bằng 30% diện tích bị thu hồi;
- b) Đối với xã đồng bằng, bằng 40% diện tích bị thu hồi;
- c) Đối với xã trung du, bằng 50% diện tích bị thu hồi.

Tổng diện tích được tính hỗ trợ không quá 02 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương nơi thu hồi đất".

2. Sửa đổi Điều 5, như sau:

"1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp trong hạn mức đất tho quy định tại Điều 70 Luật Đất đai và khoản 1 Điều 69 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP khi Nhà nước thu hồi được bồi thường bằng tiền tính theo giá đất cùng mục đích sử dụng theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

2. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp đang sử dụng vượt hạn mức thì việc bồi thường được thực hiện như sau:

a) Trường hợp diện tích đất vượt hạn mức do được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng, tự khai hoang theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì được bồi thường;

b) Diện tích đất vượt hạn mức của các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này thì được bồi thường về đất, chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định Khoản 3 Điều 6 Quy định này.

3. Trường hợp đất thu hồi là đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn thì không được bồi thường về đất, người thuê đất công ích của xã, phường, thị trấn được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định Khoản 3 Điều 6 Quy định này.

4. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi thì được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định Khoản 3 Điều 6 Quy định này.

5. Đất nông nghiệp sử dụng chung của nông trường, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi thì được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Quy định này, nếu chi phí này là tiền không có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước".

3. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên như Quyết định số 3995/2009/QĐ-UBND ngày 20/11/2009 của UBND tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành thị và thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

**TM. Ủy ban nhân dân
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Doãn Khánh